

 Dạo này thế nào?	 Lâu rồi không gặp	お久しぶりです Lâu rồi không gặp. お久しぶりです。 レッスン10・ちょっとした社交	最近どうですか Dạo này thế nào? 最近どうですか？ レッスン10・ちょっとした社交
 Bạn thích ...	 Bạn đang làm gì ...?	何をしている Bạn đang làm gì thế? 今は何をしていますか？ レッスン10・ちょっとした社交	何を楽しんでいますか Bạn thích làm gì? 何を楽しんでいますか？ レッスン10・ちょっとした社交
 Chúc bạn một ngày tốt lành	 Bảo trọng	気をつけてください Bảo trọng. Hẹn gặp lại bạn vào ngày mai. 気をつけてください。また明日。 レッスン10・ちょっとした社交	良い一日を Chúc bạn một ngày tốt lành, John! ジョンさん、良い一日を過ごしてください。 レッスン10・ちょっとした社交
 Chúc may mắn!	 Chúc mừng	おめでとうございます Chúc mừng! Bạn đã hoàn thành công việc khó khăn này. おめでとうございます！大変な仕事を終わりました。 レッスン10・ちょっとした社交	頑張ってください Chúc may mắn! Tôi tin bạn! 頑張ってください！信じています。 レッスン10・ちょっとした社交

 Chúc mừng!	 Không vấn đề gì	問題ありません Không vấn đề gì, tôi có thể giúp bạn. 問題ありません。お手伝いできます。 レッスン10・ちょっとした社交	乾杯 Chúc mừng! 乾杯！ レッスン10・ちょっとした社交
 Đừng lo	 Được thôi	いいですね Được thôi, cảm ơn bạn! いいですね、ありがとうございます。 レッスン10・ちょっとした社交	心配しないでください Đừng lo, mọi chuyện sẽ ổn thôi. 心配しないでください、大丈夫ですよ。 レッスン10・ちょっとした社交
 Ngày hôm nay của bạn thế nào?	 Cuối tuần của bạn thế nào?	週末はどうでしたか Cuối tuần của bạn thế nào? 週末はどうでしたか？ レッスン114・雑談のきっかけ	今日はどうですか Ngày hôm nay của bạn thế nào? 今日はどうですか？ レッスン114・雑談のきっかけ
 Hôm nay bạn có kế hoạch gì ...?	 Thời tiết thế nào	天気はどうですか Thời tiết thế nào? 天気はどうですか？ レッスン114・雑談のきっかけ	今日の予定は何ですか Hôm nay bạn có kế hoạch gì không? 今日の予定は何ですか？ レッスン114・雑談のきっかけ

 Bạn đã xem ... chưa?	 Thế nào	どうでしたか Thế nào? Bạn có thấy thích không? どうでしたか？楽しかったですか？ レッスン114・雑談のきっかけ	見ましたか Bạn đã xem trận đấu chưa? 試合を見ましたか？ レッスン114・雑談のきっかけ
 kể cho tôi nghe về ...	 Hay đấy	それはいいですね Hay đấy, tôi đồng ý. それはいいですね、私も賛成です。 レッスン114・雑談のきっかけ	～について教える Hãy kể cho tôi nghe về một ngày của bạn. 今日の一日について教えてください。 レッスン114・雑談のきっかけ
 Thật à?	 Không đời nào	まさか Không đời nào! Tôi chưa bao giờ thấy cái đó! まさか！それは見たことがありません。 レッスン114・雑談のきっかけ	本当ですか Thật à? Điều đó có đúng không? 本当ですか？それは本当ですか？ レッスン114・雑談のきっかけ
 Tôi hiểu rồi	 thú vị	面白い Thú vị thật. Tôi chưa bao giờ nhìn nhận vấn đề theo cách đó. 面白いですね。そんな風に考えたことはありませんでした。 レッスン114・雑談のきっかけ	なるほど Tôi hiểu rồi. Bây giờ tôi đã hiểu. なるほど。今はわかりました。 レッスン114・雑談のきっかけ

		とにかく Chúng ta vẫn nên đi dù sao đi nữa. とにかく行くべきです。 レッスン115・雑談を盛り上げる	ところで Tiện thể, rất vui được gặp bạn. ところで、はじめまして。 レッスン115・雑談を盛り上げる
		正直に言うと Thú thật, tôi đang thấy mệt. 正直に言うと、私は疲れています。 レッスン115・雑談を盛り上げる	実は Thực ra, bộ phim đó rất hay. 実は、その映画はとても良かったです。 レッスン115・雑談を盛り上げる
		あの Bạn biết đấy, tôi nghĩ chúng ta đã gặp nhau trước đây rồi. あの、以前会ったことがあると思います。 レッスン115・雑談を盛り上げる	心配しないでください Không sao, mọi chuyện sẽ ổn thôi. 心配しないでください、大丈夫ですよ。 レッスン115・雑談を盛り上げる
		まあ Thì, chuyện đó còn tùy vào cách bạn nhìn nhận. まあ、見方によります。 レッスン115・雑談を盛り上げる	というか ý tôi là, thời tiết trông đẹp thật. というか、天気は確かに良さそうですね。 レッスン115・雑談を盛り上げる

 nhắc mới nhớ	 nói ngắn gọn là	手短に言うと Nói ngắn gọn là tôi đã thắng. 手短に言うと、私が勝ちました。 レッスン115・雑談を盛り上げる	そういえば Nhắc mới nhớ, tôi có một cuộc hẹn. そういえば、約束があります。 レッスン115・雑談を盛り上げる
 như tôi đã nói	 theo tôi được biết	私の知る限り Theo tôi được biết, nhà ga ở đằng kia. 私の知る限りでは、駅はあそこにあります。 レッスン115・雑談を盛り上げる	さっきも言ったように Như tôi đã nói, mọi chuyện vẫn ổn. さっきも言ったように、大丈夫です。 レッスン115・雑談を盛り上げる